

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 – 3 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP | 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | |
| Bảng cân đối kế toán giữa niên độ | 5 – 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ | 8 – 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ | 10 – 43 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (tên viết tắt là HIPT GROUP.,JSC) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100364579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/02/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 12/04/2021.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin ("CNTT") như tích hợp hệ thống, dịch vụ và phát triển phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 của Công ty là 225.590.300.000 đồng, tương đương với 22.559.030 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 đồng/1 cổ phần.

Ngày 24/06/2009 Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã niêm yết trên UPCOM với mã chứng khoán HIG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2022 là 84 người (Tại ngày 1/04/2022 là 84 người).

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| | | |
|-----------------------|-----------------|----------------------------|
| Ông Đặng Hoàng Giang | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 21/05/2022 |
| Ông Lê Hải Đoàn | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 21/05/2022 |
| Bà Đỗ Thị Mai | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 21/05/2022 |
| Ông Đặng Quang Duy | Thành viên HĐQT | Miễn nhiệm ngày 21/05/2022 |
| Ông Võ Văn Mai | Thành viên HĐQT | Miễn nhiệm ngày 21/05/2022 |
| Ông Nguyễn Duy Nguyên | Thành viên HĐQT | Miễn nhiệm ngày 21/05/2022 |
| Bà Lê Thị Thanh Châu | Thành viên HĐQT | Miễn nhiệm ngày 21/05/2022 |

Ủy ban kiểm toán

| | | |
|----------------------|----------|--------------------------|
| Bà Đỗ Thị Mai | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 23/05/2022 |
| Ông Đặng Hoàng Giang | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 23/05/2022 |

Ban kiểm soát

| | | |
|--------------------|------------|----------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Xuân | Trưởng Ban | Miễn nhiệm ngày 21/05/2022 |
| Bà Lương Thị Hiền | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 21/05/2022 |
| Ông Phan Như Long | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 21/05/2022 |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|-----------------------|-------------------|
| Ông Lê Hải Đoàn | Tổng Giám đốc |
| Ông Trương Phúc Giang | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Trần Thành | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Thanh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ông Hoàng Thanh Phúc Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Nguyễn Cao
Đằng Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hải Đoàn Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

8. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 065/2022/BCSXR-PB.00472

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/09/2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 11 năm 2022, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/09/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2400 - Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính quá khứ. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi đưa ra kết luận rằng liệu có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ, xét trên phương diện tổng thể không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng hay không. Chuẩn mực này cũng yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực này là dịch vụ đảm bảo có giới hạn. Kiểm toán viên thực hiện các thủ tục, chủ yếu gồm phỏng vấn Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự khác trong đơn vị, nếu thích hợp, thủ tục phân tích và đánh giá bằng chứng thu thập được.

Các thủ tục được thực hiện trong dịch vụ soát xét ít hơn đáng kể so với cuộc kiểm toán được tiến hành theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 30/09/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0855-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

– CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

| TÀI SẢN | Mã số | TM | 30/09/2022 VND | 01/04/2022 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 461.978.165.766 | 434.239.545.490 |
| I/ Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.01 | 13.113.670.258 | 71.085.372.700 |
| 1. Tiền | 111 | | 13.113.670.258 | 36.085.372.700 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 35.000.000.000 |
| II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.02 | 105.836.262.509 | 77.760.701.602 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 130.973.078.579 | 69.311.477.193 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | (28.025.476.070) | (6.925.679.521) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 2.888.660.000 | 15.374.903.930 |
| III/ Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 132.603.974.749 | 131.211.401.971 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.03 | 63.893.142.829 | 71.275.557.051 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.04 | 23.482.145.474 | 10.382.310.177 |
| 3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây | 134 | 5.05 | 34.079.244.428 | 34.079.244.428 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.06 | 15.748.101.570 | 20.072.949.867 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.07 | (4.598.659.552) | (4.598.659.552) |
| IV/ Hàng tồn kho | 140 | 5.8 | 129.199.022.177 | 76.973.436.588 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 151.617.058.728 | 99.391.473.139 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (22.418.036.551) | (22.418.036.551) |
| V/ Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 81.225.236.073 | 77.208.632.629 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.09 | 342.000.000 | 1.149.281.668 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 7.259.001.604 | 3.105.973.258 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | 5.16 | 1.624.234.469 | 953.377.703 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | 5.10 | 72.000.000.000 | 72.000.000.000 |
| B/ TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 125.921.562.199 | 113.088.560.855 |
| I/ Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 56.250.000 | 56.250.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.06 | 56.250.000 | 56.250.000 |
| II/ Tài sản cố định | 220 | | 1.024.505.873 | 84.618.104 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.11 | 1.024.505.873 | 84.618.104 |
| - Nguyên giá | 222 | | 11.438.252.407 | 10.446.501.953 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (10.413.746.534) | (10.361.883.849) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.12 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 189.800.000 | 189.800.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (189.800.000) | (189.800.000) |
| III/ Bất động sản đầu tư | 230 | 5.13 | 15.680.620.000 | 15.680.620.000 |
| - Nguyên giá | 231 | | 15.680.620.000 | 15.680.620.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV/ Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| V/ Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.02 | 108.376.274.544 | 96.884.995.043 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 18.293.570.000 | 33.293.570.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 85.605.026.880 | 76.605.026.880 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 19.947.924.944 | 16.862.464.944 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (15.470.247.280) | (29.876.066.781) |
| VI/ Tài sản dài hạn khác | 260 | | 783.911.782 | 382.077.708 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.09 | 783.911.782 | 382.077.708 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 587.899.727.965 | 547.328.106.345 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

| NGUỒN VỐN | Mã số | TM | 30/09/2022 VND | 01/04/2022 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C/ NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 248.246.491.524 | 217.214.074.569 |
| I/ Nợ ngắn hạn | 310 | | 247.746.491.524 | 216.714.074.569 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.14 | 83.413.958.492 | 66.661.433.992 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.15 | 62.112.919.279 | 40.422.534.190 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.16 | 29.417.915 | 89.464.845 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 3.117.720.152 | 9.857.523.709 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.17 | 1.723.489.934 | 769.772.772 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 5.18 | 726.194.167 | 5.984.189.886 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.19 | 78.385.958.728 | 81.729.155.175 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.20 | 18.236.832.857 | - |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | 11.200.000.000 |
| II/ Nợ dài hạn | 330 | | 500.000.000 | 500.000.000 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.19 | 500.000.000 | 500.000.000 |
| D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 339.653.236.441 | 330.114.031.776 |
| I/ Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.21 | 339.653.236.441 | 330.114.031.776 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 225.590.300.000 | 225.590.300.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 225.590.300.000 | 225.590.300.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 97.570.067.828 | 97.570.067.828 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 16.492.868.613 | 6.953.663.948 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 6.953.663.948 | 4.183.467.945 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 9.539.204.665 | 2.770.196.003 |
| II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 587.899.727.965 | 547.328.106.345 |



Lê Hải Đoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2022

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Trang
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/04/2022 | Từ 01/04/2021 |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | đến 30/09/2022 | đến 30/09/2021 |
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.01 | 201.549.597.361 | 152.806.323.397 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 201.549.597.361 | 152.806.323.397 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.02 | 164.039.506.718 | 136.739.204.565 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 37.510.090.643 | 16.067.118.832 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.03 | 10.492.448.811 | 7.148.059.341 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.04 | 18.269.562.182 | 4.378.476.700 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 443.977.725 | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 6.05 | 12.278.651.712 | 16.289.975.965 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.06 | 8.199.341.250 | 5.222.804.244 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 9.254.984.310 | (2.676.078.736) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 6.07 | 306.359.284 | 2.200.842.111 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 6.08 | 22.138.929 | 26.520.543 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 284.220.355 | 2.174.321.568 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 9.539.204.665 | (501.757.168) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.09 | - | - |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 9.539.204.665 | (501.757.168) |



Lê Hải Đoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2022

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Trang
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

| CHỈ TIÊU | Mã số | Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022 VND | Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 VND |
|--|-----------|--|--|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 9.539.204.665 | (501.757.168) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 51.862.685 | 60.392.653 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 10.493.977.048 | 3.513.698.211 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 89.276.881 | (59.994.167) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (3.741.031.149) | (2.972.995.990) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 443.977.725 | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 16.877.267.855 | 39.343.539 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (9.827.691.069) | 23.627.677.129 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (52.225.585.589) | (43.876.792.893) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | 23.909.798.623 | (3.530.566.913) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 405.447.594 | 89.478.251 |
| Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | (61.661.601.386) | (32.976.943.750) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (443.977.725) | - |
| - Thuế TNDN đã nộp | 15 | (1.000.000.000) | (10.125.649) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (83.966.341.697) | (56.637.930.286) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (991.750.454) | (32.263.636) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | 250.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (2.800.000.000) | (30.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 15.286.243.930 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (12.085.460.000) | (36.882.720.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 4.611.233.179 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 3.741.031.149 | 2.461.476.594 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 7.761.297.804 | (64.203.507.042) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 52.545.994.845 | - |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (34.309.161.988) | - |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | (149.379.100) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 18.236.832.857 | (149.379.100) |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

| | | | |
|---|-----------|-----------------------|-----------------------|
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (57.968.211.036) | (120.990.816.428) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 71.085.372.700 | 162.809.733.361 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (3.491.406) | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 13.113.670.258 | 41.818.916.933 |



Lê Hải Đoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2022

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Trang
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (tên viết tắt là HIPT GROUP.,JSC) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100364579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/02/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 12/04/2021.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 của Công ty là 225.590.300.000 đồng, tương đương với 22.559.030 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 đồng/1 cổ phần.

Ngày 24/06/2009 Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã niêm yết trên UPCOM với mã chứng khoán HIG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2022 là 61 người (Tại ngày 01/04/2022 là 84 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin ("CNTT") như tích hợp hệ thống, dịch vụ và phát triển phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 30/09/2022 Công ty có các đơn vị thành viên như sau:

| Chi nhánh | Địa chỉ |
|---|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT | 05 Nguyễn Gia Thiều, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh |

| Tên công ty con | Địa chỉ | Tỷ lệ vốn góp thực tế | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|------------------|-----------------------|------------------------|
| Công ty TNHH HIPT Phần mềm (i) | Hà Nội, Việt Nam | 0% | 0% |
| Công ty CP phát triển nguồn nhân lực chân trời mới Hà Nội (ii) | Hà Nội, Việt Nam | 78% | 78% |
| Công ty cổ phần HIPT | Hà Nội, Việt Nam | 76,19% | 64% |

(i): Chuyển nhượng phần vốn góp vào công ty TNHH HIPT phần mềm theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/HIPT Software/HĐCVN-2022 cho ông Lê Hải Đoàn. Việc thoái vốn hoàn thành ngày 30/06/2022.

(ii): Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

| Tên công ty liên kết | Địa chỉ | Tỷ lệ vốn góp thực tế | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|------------------|-----------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần đổi công nghệ 3D Hà Nội (i) | Hà Nội, Việt Nam | 71,43% | 25% |
| Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ nghệ hàng không Việt Nam | Hà Nội, Việt Nam | 98,04% | 35% |
| Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Lam Hồng | Hà Nội, Việt Nam | 25% | 25% |
| Công ty Cổ phần Nông sản TW6 | Hà Nội, Việt Nam | 36% | 36% |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

| | | | |
|---|------------------|-----|-----|
| Công ty CP Đầu tư - xây dựng công trình văn hóa Đô Thị | Hà Nội, Việt Nam | 30% | 30% |
|---|------------------|-----|-----|

(i): Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

| Tên công ty liên doanh | Địa chỉ | Tỷ lệ vốn góp thực tế | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|------------------------|------------------|--------------------------|---------------------------|
| Thời báo Doanh Nhân | Hà Nội, Việt Nam | 64,27% | 50% |

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/09/2022, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm trước và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 dương lịch năm sau.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích và nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có đầy đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí thuê văn phòng. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với thời gian thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 |
| Máy móc thiết bị | 05 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 - 06 |

4.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính: không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và trích khấu hao theo đường thẳng trong vòng 5 đến 8 năm.

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá nếu có bằng chứng cho thấy giá trị thị trường của Bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thoả thuận của hợp đồng liên doanh.

Đầu tư vào các công ty liên kết:

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh vào các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với các bên được đầu tư.

Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư tài chính được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi các khoản dự phòng tổn thất đầu tư (nếu có). Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của Công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi bán cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế lũy kế còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện phân phối lợi nhuận tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn 02 điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hoá, dịch vụ. Các khoản chi phí phát sinh trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.18 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ được áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp các khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan: các công ty con, các công ty liên doanh, liên kết, Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 30/09/2022 | 01/04/2022 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 818.312.307 | 281.909.575 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 12.295.357.951 | 35.803.463.125 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 35.000.000.000 |
| Cộng | 13.113.670.258 | 71.085.372.700 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT
 Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

| | 30/09/2022 | | 01/04/2022 | |
|---------------------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá hợp lý VND | Giá hợp lý VND |
| a) Chứng khoán kinh doanh | | | | |
| Cổ phiếu | 130.973.078.579 | (28.025.476.070) | 69.311.477.193 | (6.925.679.521) |
| CTCP tập đoàn Hòa Phát | 29.571.025.000 | (4.406.625.000) | - | (i) |
| CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | - | - | 15.751.451.212 | (i) |
| CTCP Ánh Dương Việt Nam | 16.678.219.198 | - | 2.373.535.000 | (i) |
| Khác | 84.723.834.381 | (23.618.851.070) | 51.186.490.981 | (i) |
| Cộng | 130.973.078.579 | (28.025.476.070) | 69.311.477.193 | (6.925.679.521) |

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

| b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 30/09/2022 | | 01/04/2022 | |
|------------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND |
| Ngắn hạn | 2.888.660.000 | 2.888.660.000 | 15.374.903.930 | 15.374.903.930 |
| Tiền gửi có kỳ hạn (i) | 2.888.660.000 | 2.888.660.000 | 15.374.903.930 | 15.374.903.930 |
| Cộng | 2.888.660.000 | 2.888.660.000 | 15.374.903.930 | 15.374.903.930 |

(i) Trong đó:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng (quay vòng kỳ hạn) tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hoàn Kiếm -PGD có tổng giá trị tại ngày 30/09/2022 là 2.800.000.000 VND đang được sử dụng làm tài sản cầm cố cho hợp đồng tín dụng số 04032022/HDTD/HGM/1528888801 theo hợp đồng cầm cố tài sản số 03/2022/HĐBD/HGM ngày 04/03/2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hoàn Kiếm – PGD.
- Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Liên Việt Post Bank có kỳ hạn 1 năm số tiền 88.660.000 VND, lãi suất 6,9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT
 Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

| | 30/09/2022 | | 01/04/2022 | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá hợp lý VND | Giá hợp lý VND |
| Đầu tư vào công ty con | 18.293.570.000 | (2.293.570.000) | - | - |
| Công ty TNHH HIPT Phần mềm | - | - | (i) | (i) |
| Công ty CP PT Nguồn nhân lực chấn thương mới Hà Nội | 2.293.570.000 | (2.293.570.000) | (i) | (i) |
| Công ty CP HIPT | 16.000.000.000 | - | (i) | (i) |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 85.605.026.880 | (7.000.000.000) | - | - |
| Thời báo doanh nhân | 2.000.000.000 | (2.000.000.000) | (i) | (i) |
| Công ty CP công nghệ 3D | 2.500.000.000 | (2.500.000.000) | (i) | (i) |
| Công ty CP dịch vụ kỹ nghệ hàng không Việt | 2.500.000.000 | (2.500.000.000) | (i) | (i) |
| Công ty CP CNTT Lam Hồng | 800.000.000 | - | (i) | (i) |
| Công ty CP Đầu tư - XD Công trình văn hoá và đô thị | 24.900.000.000 | - | (i) | (i) |
| Công ty CP XNK Nông sản Trung Ương 6 | 52.905.026.880 | - | (i) | (i) |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 19.947.924.944 | (6.176.677.280) | - | - |
| Công ty CP tin học viễn thông hàng không | 9.098.420.000 | - | (i) | (i) |
| Công ty CP DV nền di động Việt Nam | 10.849.504.944 | (6.176.677.280) | (i) | (i) |
| Cộng | 123.846.521.824 | (15.470.247.280) | - | - |
| | | | 126.761.061.824 | (29.876.066.781) |

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 30/09/2022 | | 01/04/2022 | |
|--|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Phải thu các bên liên quan | | | | |
| Công ty CP HIPT | 2.776.097.983 | - | - | - |
| Phải thu các khách hàng khác | | | | |
| Tập đoàn xăng dầu Việt Nam | 3.191.980.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Nhà máy bia | 6.093.379.600 | - | 532.714.600 | - |
| Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghị Sơn | 8.588.904.000 | - | 11.305.228.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam (Vietlot) | 6.637.630.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Ericsson Việt Nam | 5.613.693.000 | - | 226.560.000 | - |
| Công ty CP Tập đoàn Công nghệ Thăng Long | - | - | 7.519.105.446 | - |
| Công ty TNHH Thu phí tự động VETC | 525.144.840 | (525.144.840) | 525.144.840 | (525.144.840) |
| Các khách hàng khác | 30.466.313.406 | - | 51.166.804.165 | - |
| Cộng | 63.893.142.829 | (525.144.840) | 71.275.557.051 | (525.144.840) |

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 30/09/2022 | | 01/04/2022 | |
|--|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Trả trước các bên liên quan | - | - | - | - |
| Trả trước các khách hàng khác | | | | |
| Công ty CP Công nghệ Liên Phát | 5.825.313.780 | - | - | - |
| FLEXTRON PTE.LTD | 2.265.305.230 | - | - | - |
| Công ty CP phần mềm và truyền thông TN Việt Nam | 2.059.600.000 | - | - | - |
| Công ty CP tư vấn và dịch vụ công nghệ ASIC | 2.581.436.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Phân phối SYNNEX FPT | - | - | 821.514.608 | - |
| Công ty CP VIC Việt Nam | - | - | 782.549.766 | - |
| Công ty TNHH phần mềm HPC | - | - | 838.259.000 | - |
| Các đối tượng khác | 10.750.490.464 | - | 7.939.986.803 | - |
| Cộng | 23.482.145.474 | - | 10.382.310.177 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

5.5 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

| | 30/09/2022 | 01/04/2022 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 34.079.244.428 | 34.079.244.428 |
| | 34.079.244.428 | 34.079.244.428 |

5.6 Phải thu khác

5.6.1 Phải thu khác ngắn hạn

| | 30/09/2022 | | 01/04/2022 | |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải thu các bên liên quan | | | | |
| Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT | 2.200.000 | - | 2.200.000 | - |
| Phải thu các đối tượng khác | | | | |
| Phạm Việt Giang | 4.045.633.000 | (4.045.633.000) | 4.045.633.000 | (4.045.633.000) |
| Công ty TNHH HIPT Phần mềm | - | - | 5.319.701.418 | - |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 3.167.165.866 | - | 1.499.591.450 | - |
| Tiền tạm ứng cho CBNV | 5.578.183.761 | - | 7.371.616.832 | - |
| Phải thu khác | 2.954.918.943 | (27.881.712) | 1.834.207.167 | (27.881.712) |
| Cộng | 15.748.101.570 | (4.073.514.712) | 20.072.949.867 | (4.073.514.712) |

5.6.2 Phải thu khác dài hạn

| | 30/09/2022 | | 01/04/2022 | |
|-----------------|-------------------|----------|-------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Ký quỹ, ký cược | 56.250.000 | - | 56.250.000 | - |
| Cộng | 56.250.000 | - | 56.250.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

5.7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| Nợ phải thu ngắn hạn khó đòi | T/g quá hạn | 30/09/2022 | | 01/04/2022 | |
|--|-------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | | VND | VND | VND | VND |
| Nợ phải thu khách hàng quá hạn | | | | | |
| Công ty TNHH Thu phí tự động VETC | > 3 năm | 525.144.840 | - | 525.144.840 | - |
| Các khoản phải thu khác quá hạn | | | | | |
| Phạm Việt Giang | > 3 năm | 4.045.633.000 | - | 4.045.633.000 | - |
| Công ty CP Đầu tư Phú Bình Group | > 3 năm | 27.881.712 | - | 27.881.712 | - |
| Cộng | | 4.598.659.552 | - | 4.598.659.552 | - |

5.8 Hàng tồn kho

| | 30/09/2022 | | 01/04/2022 | |
|--------------------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 143.914.140.762 | (22.418.036.551) | 89.185.953.272 | (22.418.036.551) |
| Hàng hoá | 7.702.917.966 | - | 10.205.519.867 | - |
| Cộng | 151.617.058.728 | (22.418.036.551) | 99.391.473.139 | (22.418.036.551) |

5.9 Chi phí trả trước

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 30/09/2022 | 01/04/2022 |
|----------------------------|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuê văn phòng | - | 1.109.566.667 |
| Chi phí thuê xe | 342.000.000 | - |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | - | 39.715.001 |
| Cộng | 342.000.000 | 1.149.281.668 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

| | 30/09/2022 | 01/04/2022 |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 783.911.782 | 382.077.708 |
| Cộng | 783.911.782 | 382.077.708 |

5.10 Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt.

Tháng 1 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó ngày 17/01/2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thỏa thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11/12/2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tuy nhiên, đến ngày 30/09/2022, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do đó Công ty vẫn ghi nhận giá gốc khoản đầu tư vào khoản mục "Tài sản ngắn hạn khác" với số tiền 72.000.000.000 VND và ghi nhận tương ứng số tiền đã nhận được từ bên thứ ba vào khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" được trình bày tại Thuyết minh số 5.

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|-----------------------------|----------------------|---------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Số dư tại 01/04/2022 | 54.038.000 | - | 10.392.463.953 | 10.446.501.953 |
| Mua trong kỳ | - | 957.877.727 | 33.872.727 | 991.750.454 |
| Số dư tại 30/09/2022 | 54.038.000 | 957.877.727 | 10.426.336.680 | 11.438.252.407 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN | | | | |
| Số dư tại 01/04/2022 | 8.376.859 | - | 10.353.506.990 | 10.361.883.849 |
| Khấu hao trong kỳ | 9.006.333 | 29.933.679 | 12.922.673 | 51.862.685 |
| Số dư tại 30/09/2022 | 17.383.192 | 29.933.679 | 10.366.429.663 | 10.413.746.534 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Số dư tại 01/04/2022 | 45.661.141 | - | 38.956.963 | 84.618.104 |
| Số dư tại 30/09/2022 | 36.654.808 | 927.944.048 | 59.907.017 | 1.024.505.873 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/09/2022 là 10.326.218.818 VND. (tại ngày 01/04/2022 là 10.326.218.818 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

5.12 Tài sản cố định vô hình

| | Chương trình phần mềm | TSCĐ khác | Tổng cộng |
|------------------------|--------------------------|-----------|-------------|
| | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư tại 01/04/2022 | 189.800.000 | - | 189.800.000 |
| Số dư tại 30/09/2022 | 189.800.000 | - | 189.800.000 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN | | | |
| Số dư tại 01/04/2022 | 189.800.000 | - | 189.800.000 |
| Khấu hao trong kỳ | - | - | - |
| Số dư tại 30/09/2022 | 189.800.000 | - | 189.800.000 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Số dư tại 01/04/2022 | - | - | - |
| Số dư tại 30/09/2022 | - | - | - |

5.13 Bất động sản đầu tư

| | 01/04/2022 | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | 30/09/2022 |
|---|----------------|---------------|---------------|----------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá | | | | |
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Quyền sử dụng đất | 15.680.620.000 | - | - | 15.680.620.000 |
| | 15.680.620.000 | - | - | 15.680.620.000 |
| TỶN THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ | | | | |
| Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| | - | - | - | - |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Quyền sử dụng đất | 15.680.620.000 | - | - | 15.680.620.000 |
| | 15.680.620.000 | - | - | 15.680.620.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 30/09/2022 | | 01/04/2022 | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải trả các bên liên quan | | | | |
| Phải trả nhà cung cấp khác | | | | |
| M-Security Technology Indochina PTE.LTD | 6.361.195.528 | 6.361.195.528 | 6.238.446.782 | 6.238.446.782 |
| BTG Asia Co., Limited | 2.040.703.272 | 2.040.703.272 | 7.921.886.208 | 7.921.886.208 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ quốc gia ADG | 4.603.105.230 | 4.603.105.230 | 7.103.974.075 | 7.103.974.075 |
| Công ty CP tin học viễn thông hàng không | - | - | 7.229.913.540 | 7.229.913.540 |
| Công ty TNHH Tech Data Advanced Solution (VN) - (AVNET cũ) | 12.628.762.440 | 12.628.762.440 | 115.738.000 | 115.738.000 |
| Cty CP PT Công nghệ Viễn Thông Tin học Sun Việt | 7.476.122.600 | 7.476.122.600 | - | - |
| Công ty CP Công nghệ Liên Phát | 17.205.092.714 | 17.205.092.714 | - | - |
| Các nhà cung cấp khác | 33.098.976.708 | 33.098.976.708 | 38.051.475.387 | 38.051.475.387 |
| Cộng | 83.413.958.492 | 83.413.958.492 | 66.661.433.992 | 66.661.433.992 |

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 30/09/2022 | | 01/04/2022 | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Người mua trả tiền trước là bên liên quan | | | | |
| Người mua trả tiền trước khác | | | | |
| Ngân hàng TMCP á Châu Việt | 14.060.788.050 | 14.060.788.050 | 2.520.041.700 | 2.520.041.700 |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK) | 5.286.243.930 | 5.286.243.930 | 6.727.192.580 | 6.727.192.580 |
| Trường Đại Học Khoa học tự nhiên (HCM) | 4.481.717.400 | 4.481.717.400 | - | - |
| Trung tâm tin học (KTNN) | 5.255.283.000 | 5.255.283.000 | - | - |
| Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng | 4.154.525.000 | 4.154.525.000 | 4.154.525.000 | 4.154.525.000 |
| Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SSI | 7.357.785.600 | 7.357.785.600 | - | - |
| Các đối tượng khác | 21.516.576.299 | 21.516.576.299 | 27.020.774.910 | 27.020.774.910 |
| Cộng | 62.112.919.279 | 62.112.919.279 | 40.422.534.190 | 40.422.534.190 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

5.16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

5.16.1 Phải nộp

| | 01/04/2022 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | 30/09/2022 |
|-------------------------------|-------------------|-------------------------|----------------------------|-------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 2.356.356.186 | 2.356.356.186 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 26.637.815 | - | 26.637.815 |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | - | 8.975.520 | 6.195.420 | 2.780.100 |
| Các loại thuế khác | 89.464.845 | 951.209.645 | 1.040.674.490 | - |
| Cộng | 89.464.845 | 3.343.179.166 | 3.403.226.096 | 29.417.915 |

5.16.2 Phải thu

| | 01/04/2022 | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | 30/09/2022 |
|----------------------------|--------------------|--------------------------|-----------------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 953.377.703 | 331.739.270 | 2.596.036 | 624.234.469 |
| Cộng | 953.377.703 | 331.739.270 | 1.002.596.036 | 1.624.234.469 |

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 30/09/2022 | 01/04/2022 |
|---|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Trích trước chi phí thuê xe | - | 300.000.000 |
| Trích trước chi phí thuê văn phòng | 554.783.334 | - |
| Trích trước chi phí tiền điện từ tháng 8/2020 đến 30/09/2022 từ công ty TNHH đầu tư Bắc Vương | 1.118.706.600 | - |
| Trích trước phí kiểm toán | 50.000.000 | 100.000.000 |
| Chi phí khác | - | 369.772.772 |
| Cộng | 1.723.489.934 | 769.772.772 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

5.18 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | 30/09/2022 VND | 01/04/2022 VND |
|--------------------------------|--------------------|----------------------|
| Doanh thu từ bảo hành, bảo trì | 726.194.167 | 5.984.189.886 |
| Cộng | 726.194.167 | 5.984.189.886 |

5.19 Các khoản phải trả khác

5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác

| | 30/09/2022 | | 01/04/2022 | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá trị | Số có khả | Giá trị | Số có khả | |
| VND | năng trả nợ VND | VND | năng trả nợ VND | |
| Phải trả các bên liên quan | | | | |
| Phải trả các đối tượng khác | | | | |
| Ban điều hành Đề án 112 Chính Phủ | 2.656.280.900 | 2.656.280.900 | 2.656.280.900 | 2.656.280.900 |
| Tạm ứng mua cổ phần tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh 5.10) | 72.000.000.000 | 72.000.000.000 | 72.000.000.000 | 72.000.000.000 |
| Kinh phí công đoàn | 175.863.552 | 175.863.552 | 162.344.052 | 162.344.052 |
| Bảo hiểm xã hội | 69.192.000 | 69.192.000 | 47.677.900 | 47.677.900 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 2.306.400 | 2.306.400 | 1.616.200 | 1.616.200 |
| Cổ tức phải trả | 304.904.075 | 304.904.075 | 304.904.075 | 304.904.075 |
| Phải trả khác | 3.177.411.801 | 3.177.411.801 | 6.556.332.048 | 6.556.332.048 |
| Cộng | 78.385.958.728 | 78.385.958.728 | 81.729.155.175 | 81.729.155.175 |

5.19.2 Phải trả dài hạn khác

| | 30/09/2022 | | 01/04/2022 | |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| Giá trị | Số có khả | Giá trị | Số có khả | |
| VND | năng trả nợ VND | VND | năng trả nợ VND | |
| Các cá nhân uỷ thác đầu tư dài hạn | 500.000.000 | 500.000.000 | 500.000.000 | 500.000.000 |
| Cộng | 500.000.000 | 500.000.000 | 500.000.000 | 500.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

5.20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | 30/09/2022 | | Trong kỳ | | 01/04/2022 | |
|---|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| 1>Vay ngắn hạn | 18.236.832.857 | 18.236.832.857 | 52.545.994.845 | 34.309.161.988 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) - CN Ba Đình (i) | 13.601.715.960 | 13.601.715.960 | 45.849.686.673 | 32.247.970.713 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIBank) | - | - | 2.061.191.275 | 2.061.191.275 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm - PGD Hồ Gươm (ii) | 4.635.116.897 | 4.635.116.897 | 4.635.116.897 | - | - | - |
| 2> Vay dài hạn đến hạn trả | - | - | - | - | - | - |
| Cộng | 18.236.832.857 | 18.236.832.857 | 52.545.994.845 | 34.309.161.988 | - | - |

5.20.2 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

(i): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình, theo Hợp đồng cấp tín dụng số BDN202064399/HĐCTD ngày 22/12/2020 và phụ lục số BDN202064399/HĐCTD/PL1501 ngày 15/01/2022 với tổng hạn mức tín dụng là 250 tỷ VND, trong đó hạn mức vay tối đa là 100 tỷ VND, thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng từ ngày 15/01/2022 đến ngày 31/12/2022. Mục đích cho vay để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng. Thời hạn cho vay tối đa của từng khoản vay là 9 tháng, lãi suất cho vay quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ.

(ii): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm - PGD Hồ Gươm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 121/2022/HĐTD/HGM ngày 19/07/2022 với tổng hạn mức tín dụng là 170 tỷ VND, trong đó hạn mức vay tối đa là 70 tỷ VND, thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, phát hành L/C UPAS X phục vụ hoạt động cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị, giải pháp công nghệ thông tin - viễn thông của Khách hàng. Thời hạn cho vay tối đa của từng khoản vay là 9 tháng, lãi suất cho vay quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng (tự quay vòng) được quy định tại hợp đồng thế chấp số 03/2022/HĐBĐ/HGM ngày 04/03/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT
 Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

5.21 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

5.21.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | LNST chưa phân phối | Tổng cộng |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư tại 01/04/2021 | 225.590.300.000 | 116.974.517.100 | (38.762.556.372) | 4.183.467.945 | 307.985.728.673 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | 2.770.196.003 | 2.770.196.003 |
| Bán cổ phiếu quỹ năm trước | - | - | 38.762.556.372 | - | 38.762.556.372 |
| Lỗi từ bán cổ phiếu quỹ | - | (19.404.449.272) | - | - | (19.404.449.272) |
| Số dư tại 31/12/2021 | 225.590.300.000 | 97.570.067.828 | - | 6.953.663.948 | 330.114.031.776 |
| Số dư tại 01/04/2022 | 225.590.300.000 | 97.570.067.828 | - | 6.953.663.948 | 330.114.031.776 |
| Lãi trong kỳ này | - | - | - | 9.539.204.665 | 9.539.204.665 |
| Số dư tại 30/09/2022 | 225.590.300.000 | 97.570.067.828 | - | 16.492.868.613 | 339.653.236.441 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 30/09/2022 | | 01/04/2022 | |
|------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ |
| | VND | % | VND | % |
| Lê Hải Đoàn | 78.680.000.000 | 34,88% | 62.000.000.000 | 27,48% |
| Công ty TNHH VBP | 39.990.000.000 | 17,73% | 39.990.000.000 | 17,73% |
| Lê Văn Anh | 24.799.990.000 | 10,99% | 24.799.990.000 | 10,99% |
| Tập đoàn Bảo Việt | 19.870.310.000 | 8,81% | 19.870.310.000 | 8,81% |
| Công ty TNHH Kế toán và tư vấn VBP | 11.410.000.000 | 5,06% | 11.410.000.000 | 5,06% |
| Các cổ đông khác | 50.840.000.000 | 22,54% | 67.520.000.000 | 29,93% |
| Cộng | 225.590.300.000 | 100% | 225.590.300.000 | 100% |

5.21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022 | Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022 |
|-----------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Vốn góp đầu năm | 225.590.300.000 | 225.590.300.000 |
| Vốn góp tăng trong kỳ | - | - |
| Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| Vốn góp cuối kỳ | 225.590.300.000 | 225.590.300.000 |

5.21.4 Cổ phiếu

| | 30/09/2022 | 01/04/2022 |
|--|-------------------|-------------------|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 22.559.030 | 22.559.030 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 22.559.030 | 22.559.030 |
| Cổ phiếu phổ thông | 22.559.030 | 22.559.030 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 22.559.030 | 22.559.030 |
| Cổ phiếu phổ thông | 22.559.030 | 22.559.030 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i> | <i>10.000</i> | <i>10.000</i> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a) Ngoại tệ các loại

| | <u>30/09/2022</u> | <u>01/04/2022</u> |
|-----|-------------------|-------------------|
| USD | 13.482,94 | 121.931,25 |
| EUR | 4.393,77 | 4.438,77 |

b) Nợ khó đòi đã xử lý

| Đối tượng | <u>30/09/2022</u> | <u>01/04/2022</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu Công ty cho thuê tài chính BIDV | 221.726.000 | 221.726.000 |
| Phải thu ông Trần Phúc Toàn | 148.500.000 | 148.500.000 |
| Phải thu văn phòng Nokia Hà Nội | 87.708.660 | 87.708.660 |
| Công ty TNHH HIPT Mobile | 20.991.178.683 | 20.991.178.683 |
| Công ty CP Đội công nghệ 3D Hà Nội (Công ty liên kết) | 663.440.566 | 663.440.566 |
| Công ty CP Dịch vụ kỹ nghệ hàng không Việt (Công ty liên kết) | 77.333.520 | 77.333.520 |
| Thanh tra TP. Hồ Chí Minh | 3.658.380 | 3.658.380 |
| Văn phòng UBND Q. Bình Thạnh | 25.693.600 | 25.693.600 |
| Các khoản phải thu khách hàng khác | 1.310.284.298 | 1.310.284.298 |
| Cộng | <u>23.529.523.707</u> | <u>23.529.523.707</u> |

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022 | Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng hóa | 115.222.916.942 | 81.237.363.256 |
| Doanh thu sửa chữa, lắp đặt, bảo hành | 36.039.254.765 | 22.056.529.091 |
| Doanh thu cung cấp phần mềm, chương trình | 47.344.401.689 | 44.396.835.568 |
| Doanh thu cho thuê văn phòng | 556.336.910 | 552.220.982 |
| Doanh thu dịch vụ khác | 2.386.687.055 | 4.563.374.500 |
| Cộng | <u>201.549.597.361</u> | <u>152.806.323.397</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

6.2 Giá vốn hàng bán

| | Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022 | Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 105.328.939.237 | 75.638.502.135 |
| Giá vốn sửa chữa, lắp đặt, bảo trì | 33.702.680.376 | 16.373.504.006 |
| Giá vốn cung cấp phần mềm, chương trình | 35.470.046.967 | 39.315.712.841 |
| Giá vốn cho thuê văn phòng | 496.351.684 | 552.220.982 |
| Giá vốn khác | 241.488.454 | 4.859.264.601 |
| Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán (i) | (11.200.000.000) | - |
| Cộng | 164.039.506.718 | 136.739.204.565 |

(i) Hoàn trích trước chi phí dự án Camels 10-10/2014 với Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Chi phí này đã hạch toán vào kết quả kinh doanh và loại trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021.

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022 | Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 537.201.149 | 2.293.576.594 |
| Lãi từ bán chứng khoán | 6.663.705.699 | 3.976.091.750 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 3.203.830.000 | 625.240.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ | 87.711.963 | 193.156.830 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ | - | 59.994.167 |
| Cộng | 10.492.448.811 | 7.148.059.341 |

6.4 Chi phí tài chính

| | Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022 | Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 443.977.725 | - |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư vào đơn vị khác | 594.180.499 | - |
| Lỗ từ bán chứng khoán | 207.952.745 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ | 305.617.276 | 92.684.145 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại kỳ | 89.276.881 | - |
| Dự phòng giảm giá CK kinh doanh và tổn thất đầu tư | 21.099.796.549 | 4.285.792.555 |
| Các khoản ghi giảm chi phí tài chính (i) | (4.471.239.493) | - |
| Cộng | 18.269.562.182 | 4.378.476.700 |

(i) Hoàn nhập Trích trước chi phí thường cho Tổng giám đốc do quản lý tài khoản chứng khoán có lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

theo nghị quyết số 32-21/NQ/HĐQT/HIPT ngày 15/9/2021 và hoàn nhập một phần chi phí thường hiệu quả do Quyết định của Tổng giám đốc về việc thưởng hiệu quả.

6.5 Chi phí bán hàng

| | Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022 | Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 |
|---------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 9.573.415.822 | 12.166.421.688 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 10.538.650 | - |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 165.219.839 | - |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 11.040.858 | 162.280.276 |
| Chi phí bảo hành | 11.169.983 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.323.777.839 | 1.820.122.533 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.183.488.721 | 2.141.151.468 |
| Cộng | 12.278.651.712 | 16.289.975.965 |

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022 | Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 |
|---------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên quản lý | 3.949.749.400 | 2.655.901.143 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 315.000 | - |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 91.941.756 | - |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 40.821.827 | 106.143.241 |
| Thuế, phí và lệ phí | 114.804.415 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.613.860.578 | 1.143.035.093 |
| Chi phí bằng tiền khác | 387.848.274 | 1.317.724.767 |
| Cộng | 8.199.341.250 | 5.222.804.244 |

6.7 Thu nhập khác

| | Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022 | Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 |
|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 1.925.000 | 54.179.396 |
| Các khoản được hưởng, được bồi thường | 288.442.585 | 2.142.434.114 |
| Các khoản khác | 15.991.699 | 4.228.601 |
| Cộng | 306.359.284 | 2.200.842.111 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

6.8 Chi phí khác

| | Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022 | Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 |
|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Các khoản bị phạt vi phạm hành chính | 21.738.929 | 15.126.901 |
| Các khoản phạt vi phạm hợp đồng | - | 11.393.642 |
| Các khoản khác | 400.000 | - |
| Cộng | 22.138.929 | 26.520.543 |

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

| | Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022 | Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 9.539.204.665 | (501.757.168) |
| Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN | (14.382.091.071) | 31.778.651 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 21.738.929 | 657.018.651 |
| Chi phí không hợp lệ | 21.738.929 | 657.018.651 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (14.403.830.000) | (625.240.000) |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | (3.203.830.000) | (625.240.000) |
| Khoản điều chỉnh giảm giá vốn đã loại trừ chi phí khi tính thuế TNDN năm trước (xem thuyết minh 6.2) | (11.200.000.000) | - |
| Thu nhập tính thuế TNDN | (4.842.886.406) | (469.978.517) |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành | - | - |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này | - | - |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày về lãi cơ bản trên cổ phiếu trong báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

| | Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022 VND | Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 VND |
|---|--|--|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 52.545.994.845 | - |

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

| | Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022 VND | Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 VND |
|--|--|--|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 34.309.161.988 | - |

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty. Các loại công cụ tài chính của Công ty :

| | 30/09/2022 | | Giá trị ghi sổ 01/04/2022 | |
|--------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 13.113.670.258 | - | 71.085.372.700 | - |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 79.697.494.399 | (4.598.659.552) | 91.404.756.918 | (4.598.659.552) |
| Đầu tư tài chính | 257.708.260.403 | (43.495.723.350) | 211.447.442.947 | (36.801.746.302) |
| | 350.519.425.060 | (48.094.382.902) | 373.937.572.565 | (41.400.405.854) |

| | 30/09/2022 | | Giá trị ghi sổ 01/04/2022 | |
|-------------------------------------|------------|------------------------|------------------------------|------------------------|
| | VND | | VND | |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | | 18.236.832.857 | | - |
| Phải trả người bán và phải trả khác | | 162.299.917.220 | | 148.890.589.167 |
| Chi phí phải trả | | 1.723.489.934 | | 769.772.772 |
| | | 182.260.240.011 | | 149.660.361.939 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/09/2022 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|--------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tại ngày 30/09/2022 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 13.113.670.258 | - | - | 13.113.670.258 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 75.042.584.847 | 56.250.000 | - | 75.098.834.847 |
| Đầu tư tài chính | 105.836.262.509 | - | 108.376.274.544 | 214.212.537.053 |
| Cộng | 193.992.517.614 | 56.250.000 | 108.376.274.544 | 302.425.042.158 |
| Tại ngày 01/04/2022 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 71.085.372.700 | - | - | 71.085.372.700 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 66.676.897.499 | - | - | 66.676.897.499 |
| Đầu tư tài chính | 77.760.701.602 | - | 96.884.995.043 | 174.645.696.645 |
| Cộng | 215.522.971.801 | - | 96.884.995.043 | 312.407.966.844 |

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm VND | Cộng VND |
|------------------------------|------------------------------|--------------------|------------------------|
| Nợ phải trả tài chính | | | |
| Tại ngày 30/09/2022 | | | |
| Vay và nợ | 18.236.832.857 | - | 18.236.832.857 |
| Phải trả người bán | 83.413.958.492 | - | 83.413.958.492 |
| Chi phí phải trả | 1.723.489.934 | - | 1.723.489.934 |
| Phải trả khác | 78.385.958.728 | 500.000.000 | 78.885.958.728 |
| Cộng | 181.760.240.011 | 500.000.000 | 182.260.240.011 |
| Tại ngày 01/04/2022 | | | |
| Phải trả người bán | 66.661.433.992 | - | 66.661.433.992 |
| Chi phí phải trả | 769.772.772 | - | 769.772.772 |
| Phải trả khác | 81.729.155.175 | 500.000.000 | 82.229.155.175 |
| Cộng | 149.160.361.939 | 500.000.000 | 149.660.361.939 |

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan tới Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung | Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022 | Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 |
|---------------------------------|---|-----------------------|---|---|
| Lương thưởng Ban Tổng GD | | | 1.218.120.000 | 1.388.903.333 |
| Lê Hải Đoàn | Tổng Giám đốc | Lương và thưởng | 395.880.000 | 452.363.333 |
| Nguyễn Trần Thành | Phó Tổng Giám đốc | Lương và thưởng | 274.080.000 | 312.180.000 |
| Trương Phúc Giang | Phó Tổng Giám đốc | Lương và thưởng | 274.080.000 | 312.180.000 |
| Trần Thanh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | Lương và thưởng | 274.080.000 | 312.180.000 |
| Thù lao HĐQT | | | 89.772.725 | 85.272.728 |
| Đặng Hoàng Giang | Chủ tịch HĐQT | Thù lao HĐQT | 18.000.000 | 16.000.000 |
| Lê Hải Đoàn | Thành viên HĐQT | Thù lao HĐQT | - | 14.636.364 |
| Đỗ Thị Mai | Thành viên HĐQT | Thù lao HĐQT | 59.999.998 | - |
| Đặng Quang Duy | Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/5/2022) | Thù lao HĐQT | - | 8.727.273 |
| Vladislav Savkins | Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/5/2022) | Thù lao HĐQT | - | 9.909.091 |
| Võ Văn Mai | Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/5/2022) | Thù lao HĐQT | - | 14.636.364 |
| Nguyễn Duy Nguyên | Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/5/2022) | Thù lao HĐQT | - | 6.727.272 |
| Lê Thị Thanh Châu | Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/5/2022) | Thù lao HĐQT | - | 14.636.364 |
| Thù lao ban kiểm soát | | | 11.772.727 | 47.727.273 |
| Nguyễn Thị Xuân | Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 21/5/2022) | Thù lao ban kiểm soát | 5.045.455 | 18.000.000 |
| Lương Thị Hiền | Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 21/5/2022) | Thù lao ban kiểm soát | 3.363.636 | 6.727.273 |
| Phan Như Long | Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 21/5/2022) | Thù lao ban kiểm soát | 3.363.636 | 19.909.091 |
| Nguyễn Thị Bích Thủy | Ban Kiểm soát (cũ) | Thù lao ban kiểm soát | - | 454.545 |
| Nguyễn Minh Đức | Ban Kiểm soát (cũ) | Thù lao ban kiểm soát | - | 2.636.364 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt:

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, tại ngày 30/09/2022, Công ty còn có các khoản chưa được thanh toán với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung | Số dư VND |
|----------------------|--------------------|---------------------------|----------------------|
| Đặng Hoàng Giang | Chủ tịch HĐQT | Thù lao HĐQT còn phải trả | 2.700.000 |
| Đỗ Thị Mai | Thành viên HĐQT | Thù lao HĐQT còn phải trả | 9.000.000 |
| Lê Hải Đoàn | Tổng Giám đốc | Số dư khoản tạm ứng | 9.563.139 |
| | | Thu nhập còn phải trả | 56.585.250 |
| Nguyễn Trần Thành | Phó Tổng giám đốc | Số dư khoản tạm ứng | 300.000.000 |
| | | Thu nhập còn phải trả | 41.825.750 |
| Trương Phúc Giang | Phó Tổng giám đốc | Số dư khoản tạm ứng | 300.000.000 |
| | | Thu nhập còn phải trả | 43.195.250 |
| Trần Thanh Tuấn | Phó Tổng giám đốc | Số dư khoản tạm ứng | 100.000.000 |
| | | Thu nhập còn phải trả | 42.485.750 |
| Hoàng Thanh Phúc | Phó Tổng giám đốc | Số dư khoản tạm ứng | 220.000.000 |
| Phạm Việt Giang | Tổng Giám đốc (cũ) | Số dư khoản tạm ứng | 4.045.633.000 |

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung giao dịch | Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022 VND | Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 VND |
|--|--|-----------------------------|--|--|
| Công ty CP HIPT | Công ty con | Bán hàng hoá và dịch vụ | 4.779.456.139 | - |
| | | Mua hàng hoá và dịch vụ | 2.100.000.000 | - |
| Công ty TNHH HIPT phần mềm | Công ty con (đã thoái vốn 100% tại ngày 30/6/2022) | Mua hàng hoá và dịch vụ (i) | 6.390.000.000 | 1.290.000.000 |
| | | Tạm ứng chi hoạt động | - | 9.865.000.000 |
| Công ty CP Đội Công nghệ 3D Hà Nội | Công ty liên kết | Xoá nợ | - | 663.440.566 |
| Công ty CP Dịch vụ kỹ nghệ hàng không Việt | Công ty liên kết | Xoá nợ | - | 77.333.520 |
| Công ty CP Đầu tư - xây dựng công trình văn hóa Đô Thị | Công ty liên kết | Góp vốn | 9.000.000.000 | - |

(i) Trong đó giá trị giao dịch mua hàng hoá dịch từ ngày 01/04/2022 đến 30/06/2022 (thời điểm Công ty TNHH HIPT phần mềm vẫn là công ty con của Công ty là 4.690.000.000 VND.

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư số 20/2006TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

9.3 Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

9.4 Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ATC. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 của Công ty đã được soát xét.

9.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

9.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lê Hải Đoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2022

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Trang
Người lập biểu